

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 462/2024/HC-PT

Ngày 20/8/2024

V/v “Khiếu kiện hành vi hành chính”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Đình Khánh;

Các Thẩm phán: Ông Bùi Xuân Trọng;

Bà Lê Thị Mai.

Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Hải An, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Lê Đỗ Quyên - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 20 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, mở phiên tòa công khai xét xử phúc thẩm vụ án hành chính thụ lý số 36/2024/TLPT-HC ngày 12 tháng 01 năm 2024 về việc “Khiếu kiện hành vi hành chính” do có kháng cáo của người người bị kiện; kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 19/2023/HC-ST ngày 19 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 8848/2024/QĐ-PT ngày 06 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

*** Người khởi kiện:** Ông Lê Tất R, sinh năm 1953; địa chỉ: Khu T, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Phú Thọ; có mặt tại phiên tòa.

*** Người bị kiện:** Ủy ban nhân huyện Y, tỉnh Phú Thọ; địa chỉ: Khu T, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Phú Thọ.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện: Ông Nguyễn Thành C, chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Y, tỉnh Phú Thọ; có mặt tại phiên tòa.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1962; địa chỉ: Khu T, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Phú Thọ; vắng mặt tại phiên tòa.

Người đại diện theo ủy quyền của bà H: Ông Lê Tất R, sinh năm 1953; địa chỉ: Khu T, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Phú Thọ; có mặt tại phiên tòa.

2. Ông Bùi Tiến V, sinh năm 1962; địa chỉ: Khu Đ, xã H, huyện Y, tỉnh Phú Thọ; vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và quá trình tố tụng người khởi kiện ông Lê Tất R trình bày:

Ngày 30/11/2007, UBND huyện Y có Quyết định thu hồi đất (ODT) của gia đình tôi với diện tích 264 m² để dùng vào mục đích đầu giá quyền sử dụng đất.

Hơn hai năm sau, ngày 29/9/2009, UBND huyện mới ra quyết định cấp trả cho tôi 160 m² (thiếu 104 m²). Đến ngày 01/10/2009 mới chính thức giao đất cho hộ gia đình tôi, lý do giao thiếu 104 m² đất là do khu vực đền bù cho gia đình tôi nằm vào đường điện cao thế 110KW.

Trước khi giao đất cho tôi, tôi đã gặp ông Chủ tịch UBND huyện, ông Chủ tịch hứa vì vướng vào đường điện cao thế nên tạm giao cho tôi 160 m², còn lại khi đường điện dỡ bỏ sẽ giao nốt cho tôi. Đến năm 2017, khi nhận lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp đổi, UBND huyện Y đã cắt bỏ 264 m² đất ở ODT của gia đình tôi tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình tôi cấp năm 1990 có 400 m² đất ở ODT, nay cấp lại còn 136 m². Việc đó chứng tỏ việc thu hồi 264 m² đất thổ cư ODT của hộ gia đình tôi, tôi đã yêu cầu đất đổi đất cùng hạng mục là hoàn toàn chính đáng. Hơn thế nữa, tất cả văn bản từ khi thu hồi đất đến khi giao đất cho tôi không hề có bất cứ một văn bản thỏa thuận nào rằng UBND huyện thu hồi 264 m² đất thổ cư chỉ trả lại cho hộ gia đình tôi là 160 m².

Vì vậy UBND huyện Y không chứng minh được việc trên mà toàn trả lời chung chung như Công văn trả lời số 762/UBND-TN&MT ngày 12/9/2009 là không đúng, nên tôi không nhất trí.

Để khẳng định việc này, ngày 25/12/2016 tôi đã gặp trực tiếp ông Phan Văn Đ, nguyên Chủ tịch UBND huyện Y là người quyết định việc thu hồi và bồi thường đất cho tôi, ông Đ vẫn khẳng định việc cấp thiếu đất của tôi 104 m² là có nguyên nhân.

Vì vậy cũng năm 2017 tôi không thể chờ đợi hơn được nữa tôi đã có đơn khởi kiện ra Tòa hành chính Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

Sau khi thụ lý hồ sơ và nhiều lần triệu tập giữa UBND huyện, Phòng TN&MT huyện cùng với tôi, dưới sự trọng tài của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ với đầy đủ chứng cứ và lý lẽ thuyết phục, cuối cùng UBND huyện Y đã nhất trí hòa giải, đồng ý cấp trả cho gia đình tôi phần diện tích đất thu hồi còn thiếu.

Tại biên bản làm việc có đầy đủ thành phần: Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ + UBND huyện Y + Phòng TN&MT + UBND thị trấn Y + Cán bộ địa chính thị trấn Y và tôi. Ngày 02/6/2017, đã ra thực địa đo đất trực tiếp cho tôi tại tờ bản đồ số 35 tiếp giáp thửa đất số 14 là thửa đất của tôi được giao 160 m² trước đó. Để trả đủ cho tôi phần diện tích còn lại là 116,1 m² (dư 12,1 m²) có văn bản kèm theo.

Từ năm 2017 sau nhiều lần tôi lên đề nghị với Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện, họ đều khất lần với lý do là khu vực đường điện chưa thu hồi đất nên chưa cấp cho bác được. Ngày 14/3/2023 tôi đã làm đơn đề nghị UBND huyện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho tôi, UBND huyện Y lại có công văn số 544/UBND-TN&MT ngày 11/4/2023 trả lời do chưa đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho tôi và yêu cầu tôi thực hiện quyền của công dân theo pháp luật tại khoản 1 Điều 144 Luật Tổ tụng hành chính.

Vì các lẽ trên, nay tôi yêu cầu đề nghị Tòa án giải quyết:

+ Yêu cầu UBND huyện Y, tỉnh Phú Thọ thực hiện việc giao Giấy CNQSD đất cho tôi theo Biên bản đối thoại thành ngày 24/5/2017 tại Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

+ Yêu cầu UBND huyện Y bồi thường đủ số đất thổ cư (ODT) của tôi còn thiếu 104 m² tại vị trí liền kề đất đã trả cho tôi trước đó là 160 m² thuộc khu T (Đôi diện ao cá Bác H1) theo Biên bản làm việc ngày 02/6/2017 gồm có UBND huyện Y + UBND thị trấn Y + TAND tỉnh Phú Thọ và các ban ngành liên quan đã ra thực địa kéo dây đo cụ thể giao cho tôi là 116,1 m² (nay không cấp sổ đỏ).

** Người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện Y do ông Nguyễn Thành T là người đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Ngày 30/11/2007, UBND huyện Y ban hành Quyết định số: 1665/QĐ-UBND về việc thu hồi 264 m² đất ở đô thị của gia đình ông R thuộc thửa đất số 52, tờ bản đồ số 37.

Ngày 20/8/2007 ông Lê Tất R có đơn đề nghị bồi thường đất và hoa màu có trên đất ở.

Ngày 13/9/2007 Phòng T2 chủ trì phối hợp với Phòng Tài chính - Kế hoạch, UBND thị trấn Y gặp gỡ tiếp xúc và giải quyết đơn đề nghị của ông Lê Tất R, tại buổi làm việc này ông đã đề nghị được bồi thường bằng đất và đề nghị

được bồi thường tại một trong ba vị trí sau: (1) khu ruộng nhìn sang Ao cá B xóm T 5; (2) khu đất giáp Cầu B (đã cấp cho một số hộ); (3) khu đất đầu giá thuộc băng 1 của hộ ông Tạ Đình T1.

Ngày 10/01/2008, Hội đồng bồi thường hỗ trợ và tái định cư huyện Y đã ban hành phương án bồi thường giải phóng mặt bằng và được UBND huyện phê duyệt, cụ thể:

- Phần thu hồi đất của hộ ông Lê Tất R: Có diện tích: 264 m², thuộc thửa đất số 52, tờ bản đồ số 37, loại đất ở đô thị thuộc khu T, thị trấn Y.

- Phần phương án đổi đất: Giao cho hộ ông Lê Tất R: diện tích 160 m², loại đất ở đô thị tại xứ đồng Ao cá Bắc H1, khu T, thị trấn Y, (có phương án kèm theo).

- Lý do phương án đổi đất cho hộ ông Lê Tất R có sự chênh lệch là:

- + Theo khoản 2, điều 6, Nghị định số: 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất quy định: Người bị thu hồi đất đang sử dụng vào mục đích nào thì được bồi thường bằng việc giao đất mới có cùng mục đích sử dụng, nếu không có đất để bồi thường thì được bồi thường bằng giá trị quyền sử dụng đất tại thời điểm có quyết định thu hồi; trường hợp bồi thường bằng việc giao đất mới hoặc bằng nhà, nếu có chênh lệch về giá trị thì phần chênh lệch đó được thực hiện thanh toán bằng tiền.

- + Theo bảng giá đất được UBND tỉnh P quy định tại Quyết định số: 3557/2007/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2007 quy định khu đất thu hồi của hộ ông Lê Tất R có vị trí thuộc khu vực còn lại khu T (trong bảng giá đất) có giá là 50.000 đồng/m², còn giá đất tại vị trí giao đất cho hộ ông Lê Tất R có vị trí từ ngã ba Công an huyện đến Ao cá Bắc H1 có giá là 500.000 đồng/m² (diện tích thu hồi: 264 m² x 50.000 đồng = 13.200.000 đồng; diện tích giao đất vị trí mới 160 m² x 500.000 đồng = 80.000.000 đồng).

Ngày 29/9/2009, UBND huyện đã ban hành Quyết định số: 1179/QĐ-UBND về việc giao đất ở cho hộ ông Lê Tất R tại khu T thị trấn Y, huyện Y theo phương án đã được phê duyệt.

Ngày 01/10/2009, Phòng T2 đã chủ trì phối hợp với Phòng C1 (nay là Phòng Kinh tế - Hạ tầng), Chi nhánh điện Y, UBND thị trấn Y giao đất tại thực địa, ông R đã nhận đúng diện tích và mốc giới tại thực địa và không có ý kiến gì về phương án bồi thường cũng như công tác bồi thường. Đến ngày 12/04/2012 ông R đã chuyển nhượng 80 m² cho hộ bà Đình Thị Thanh H2 có địa chỉ thường trú tại khu T, thị trấn Y, huyện Y, như vậy là ông đã hoàn toàn thống nhất với

phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đã được Hội đồng bồi thường hỗ trợ và tái định cư huyện Y phê duyệt Phương án ngày 10 tháng 01 năm 2008.

Như vậy, UBND huyện Y đã thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư bằng việc giao cho hộ ông Lê Tất R 160 m² đất (diện tích giao 160 m²/264 m² diện tích thu hồi) tại khu vực Ao cá B, khu T, thị trấn Y là đúng với quy định tại khoản 2, Điều 6 Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ.

Ngoài ra trên phần diện tích đất gần diện tích đất 160 m² được đo theo Biên bản làm việc ngày 02/6/2017 giữa UBND huyện Y và ông Lê Tất R hiện nay không còn đường dây điện cao thế.

UBND huyện chưa thực hiện việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Lê Tất R theo thỏa thuận tại Biên bản đối thoại ngày 24/5/2017 và Biên bản làm việc ngày 02/6/2017 do chưa đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của Luật đất đai 2013, cụ thể quy định tại khoản 1, Điều 7 Quyết định số 12/2014/QĐ-UBND ngày 10/9/2014 của UBND tỉnh P ban hành Quy định cụ thể một số nội dung về quản lý, sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Phú Thọ. Đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Tất R.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bùi Tiến V trình bày:*

Theo vụ án được thụ lý Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ có thông báo mời đại diện UBND huyện Y tham gia đối thoại, cụ thể: Giấy báo số 10/2017/GB-TA ngày 06/02/2017 về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đối thoại, tại buổi đối thoại thay mặt UBND huyện tôi có quan điểm: Việc bồi thường cho ông R, UBND huyện Y thực hiện đúng theo quy định tại khoản 2, Điều 6 Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ bác đơn khởi kiện của ông Lê Tất R địa chỉ khu T, thị trấn Y, huyện Y.

Đến ngày 10/5/2017, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ có giấy báo số 47/2017/GB-TA về việc tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hành chính vào ngày 24/5/2017. Đến thời điểm Tòa án mời giải quyết, đối thoại lần hai, tôi có ký hai Biên bản làm việc, cụ thể:

+ Biên bản đối thoại ngày 24/5/2017, tôi là đại diện hợp pháp của UBND huyện Y và Biên bản làm việc ngày 02/6/2017.

+ Ngày 12/6/2017, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ có Quyết định số 01/2017/QĐST-HC về việc đình chỉ giải quyết vụ án hành chính.

Nguyên nhân dẫn đến việc tôi đã thay mặt UBND huyện Y ký hai biên bản trên là: Tại thời điểm đó các cơ quan tham mưu xác định việc giải quyết đơn của ông R là cấp đất còn thiếu với diện tích 104,0 m² do giải phóng mặt bằng là đất đồi đất; do tin tưởng vào cơ quan tham mưu, không nghiên cứu kỹ các hồ sơ vụ việc, các văn bản quy định của pháp luật.

Tuy nhiên sau khi cơ quan chuyên môn tham mưu kiểm tra, xem xét lại hồ sơ vụ việc để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì phát hiện một số nội dung chưa đúng với quy định của pháp luật, như:

Thứ nhất: Thực hiện công trình Đấu giá quyền sử dụng đất khu T (Sân vận động cũ) thị trấn Y, huyện Y, ngày 30/11/2007 UBND huyện Y ban hành Quyết định số 1665/QĐ-UBND về việc thu hồi 264 m² đất ở đô thị của gia đình ông Lê Tất R, thường trú tại khu T, thị trấn Y, huyện Y, thuộc thửa đất số 52, tờ bản đồ số 37 (thuộc khu vực còn lại khu T trong bảng giá đất), UBND huyện Y đã bồi thường bằng đất ở đô thị cho ông Lê Tất R tại khu T, thị trấn Y, diện tích 160 m².

Ngày 29/9/2009, UBND huyện ban hành Quyết định số 1179/QĐ-UBND về việc giao đất ở cho hộ gia đình ông Lê Tất R tại khu T, thị trấn Y, huyện Y theo phương án đã được phê duyệt.

Ngày 01/10/2009, Phòng T2 chủ trì phối hợp với Phòng C1 (nay là Phòng Kinh tế - Hạ tầng), Chi nhánh Đ1, UBND thị trấn Y giao đất tại thực địa, ông R đã nhận đúng, đủ diện tích, mốc giới tại thực địa và không có ý kiến gì thêm. Như vậy việc giải phóng mặt bằng UBND huyện đã thực hiện xong theo đúng quy định.

Thứ hai: đối chiếu quy định tại khoản 1 Điều 7 Quy định đính kèm Quyết định 12/2014/QĐ-UBND tỉnh P ban hành Quy định cụ thể một số nội dung quản lý, sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Phú Thọ “I. Điều kiện hộ gia đình, cá nhân được xem xét giao đất làm nhà ở: Hộ gia đình, cá nhân (cá nhân phải là người đã thành niên theo quy định của Bộ Luật dân sự, có sổ hộ khẩu riêng) không có đất ở, nhà ở tại huyện, thành, thị nơi xin giao đất và chưa được Nhà nước giao đất ở; địa phương có quỹ đất ở để giao”. Thì ông R không đủ điều kiện giao đất theo quy định, nguyên do: Tại thời điểm thỏa thuận ông R đã có đất ở trên địa bàn thị trấn Y.

Thứ ba: Sau khi xem lại hai văn bản trên tôi thay mặt UBND huyện ký, nhận thấy nội dung hai văn bản không nêu rõ căn cứ trong hồ sơ tài liệu của vụ việc và các văn bản quy định của pháp luật hiện hành để thỏa thuận.

Với tư cách cá nhân căn cứ vào các nội dung đã trình bày trên thống nhất với quan điểm UBND huyện đã trình bày đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện của ông Lê Tất R địa chỉ khu T, thị trấn Y, huyện Y.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H do ông Lê Tất R đại diện theo ủy quyền trình bày:* Bà nhất trí với lời trình bày của ông R. Đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình bà.

Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ đã tiến hành tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tiến hành đối thoại để các đương sự thống nhất với nhau về việc giải quyết vụ án nhưng không tiến hành đối thoại được.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 19/2023/HC-ST ngày 19 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 158; điểm c khoản 2 Điều 193; khoản 1 Điều 206; khoản 1 Điều 348 Luật tổ tụng hành chính; khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Tất R về việc buộc Ủy ban nhân dân huyện Y phải thực hiện việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo nội dung Biên bản đối thoại ngày 24/5/2017 và Biên bản làm việc ngày 02/6/2017 có nội dung “Ủy ban nhân dân huyện Y đền bù cho ông Lê Tất R thửa đất có vị trí kích thước như sau: Chiều rộng giáp đường huyện lộ: 03 m; Chiều rộng giáp nương là 6,8 m; Chiều sâu 23,7 m; Một bên giáp đất của UBND huyện Y. Một bên giáp đường đi khu dân cư. Thửa đất có diện tích 116,1 m²”.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 28 tháng 9 năm 2023, người bị kiện là Ủy ban nhân dân huyện Y, tỉnh Phú Thọ có đơn kháng cáo với nội dung kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Ngày 03 tháng 10 năm 2023, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ có Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 511/QĐ-KN với nội dung kháng nghị toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện của người bị kiện giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án hành chính sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Tất R về việc buộc Ủy ban nhân dân huyện Y phải thực hiện việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo nội dung Biên bản đối thoại ngày 24/5/2017 và Biên bản làm việc ngày 02/6/2017.

Người khởi kiện là ông Lê Tất R đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ và kháng cáo của Ủy ban nhân dân huyện Y, tỉnh Phú Thọ, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ và kháng cáo của người bị kiện, sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Tất R về việc buộc Ủy ban nhân dân huyện Y phải thực hiện việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo nội dung Biên bản đối thoại ngày 24/5/2017 và Biên bản làm việc ngày 02/6/2017.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Sau khi xét xử sơ thẩm, ông Nguyễn Thành T là người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện UBND huyện Y có đơn kháng cáo theo đúng quy định tại các Điều 204, 205, 206, 209 Luật Tố tụng hành chính; Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ ban hành Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 511 ngày 03/10/2023 theo đúng quy định tại các Điều 211, 212, 213 Luật tố tụng hành chính. Như vậy đơn kháng cáo của Ủy ban nhân dân huyện Y, tỉnh Phú Thọ và Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ là trong thời hạn luật định, phù hợp với quy định của pháp luật, được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Tại phiên tòa phúc thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị H vắng mặt nhưng có mặt người đại diện theo ủy quyền; ông Bùi Tiến V vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy có đủ điều kiện để tiếp tục giải quyết vụ án như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa.

[1.3] Ngày 25/5/2023, ông Lê Tất R có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện Y thực hiện việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo nội dung Biên bản đối thoại ngày 24/5/2017 và Biên bản làm việc ngày 02/6/2017. Đây là khiếu kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền và thời hiệu khởi kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

[2] Về nội dung:

Ngày 30/11/2007 UBND huyện Y có Quyết định thu hồi đất ở của gia đình ông Lê Tất R với diện tích là 264 m² để dùng vào việc đấu giá quyền sử dụng đất. Quá trình thực hiện đền bù, giải phóng mặt bằng, ông Lê Tất R yêu cầu được đền bù bằng quyền sử dụng đất. Ngày 29/9/2009 UBND huyện Y ban hành Quyết định số 1179/QĐ-UBND về việc giao đất ở đô thị cho hộ ông Lê Tất R tại khu T, thị trấn Y, huyện Y, với diện tích là 160 m² (ít hơn so với diện tích đã thu hồi là 104 m²).

Tại thời điểm thu hồi 264 m² đất ở của gia đình ông Lê Tất R, theo bảng giá đất được UBND tỉnh P quy định tại Quyết định số 3557/2007/QĐ-UBND ngày 28/12/2007 có giá 50.000 đồng/m². Thửa đất bị thu hồi trị giá là: 264 m² x 50.000 đồng/m² = 13.200.000 đồng. Giá đất tại vị trí giao đất mới cho hộ ông Lê Tất R có giá là 500.000 đồng/m². Thửa đất giao mới trị giá: 160 m² x 500.000 đồng/m² = 80.000.000 đồng. Như vậy, mặc dù diện tích đất ông R được bồi thường ít hơn so với diện tích đất bị thu hồi nhưng trị giá thửa đất được giao mới gấp nhiều lần trị giá thửa đất bị thu hồi. Việc bồi thường đã đảm bảo quyền lợi cho ông R.

Tuy nhiên, năm 2017 khi ông R làm đơn khởi kiện vụ án hành chính đến Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ, Tòa án đã tiến hành đối thoại giữa các đương sự. Tại Biên bản đối thoại lập ngày 24/5/2017 do Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ lập giữa người khởi kiện là ông Lê Tất R và người bị kiện là UBND huyện Y ghi nhận: *“UBND huyện Y sẽ cấp cho ông R thửa đất kích thước như sau: Chiều rộng mặt đường 03 m, chiều sâu 25 m; thửa đất này giáp với thửa đất ông R được cấp Giấy CNQSD đất, (hiện tại còn chiều rộng mặt đường là 02 m, cộng với thửa đất sẽ được cấp theo thỏa thuận của các bên đương sự có chiều rộng mặt đường là 05 m, chiều sâu là 25 m”*.

Sau khi đối thoại như đã nêu trên, ông R rút đơn khởi kiện. Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ đã ban hành Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 01/2017/QĐST-HC ngày 12/6/2017. Căn cứ kết quả đối thoại, ông R nhiều lần đề nghị được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng đến nay vẫn chưa được cấp.

Tại khoản 3 Điều 140 Luật tổ tụng hành chính quy định:

“Điều 140. Xử lý kết quả đối thoại

3. Trường hợp qua đối thoại mà người bị kiện cam kết sửa đổi, bổ sung, thay thế hủy bỏ quyết định bị khởi kiện hoặc chấm dứt hành vi hành chính bị khởi kiện và người khởi kiện cam kết rút đơn khởi kiện thì Tòa án lập biên bản về việc cam kết của đương sự. Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản,

người bị kiện phải gửi cho Tòa án quyết định hành chính mới hoặc thông báo về việc chấm dứt hành vi hành chính bị khởi kiện...

Trường hợp nhận được quyết định hành chính mới hoặc văn bản rút đơn khởi kiện thì Tòa án phải thông báo cho các đương sự khác biết. Trong thời hạn 7 ngày kể từ ngày nhận được thông báo của Tòa án, nếu các đương sự không có ý kiến phản đối thì Thẩm phán ra quyết định công nhận kết quả đối thoại thành, đình chỉ việc giải quyết vụ án...”

Sau khi đối thoại với ông Lê Tất R vào ngày 24/5/2017, UBND huyện Y không ban hành quyết định hành chính mới nào, cũng không có thông báo nào về việc chấm dứt hành vi hành chính bị khởi kiện gửi Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ. Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án này cũng không ra quyết định công nhận kết quả đối thoại thành gửi cho các đương sự. Ông R căn cứ Biên bản đối thoại ngày 24/5/2017 để rút đơn khởi kiện. Tòa án căn cứ vào đơn rút đơn khởi kiện của ông R để ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án là không đúng vì lẽ ra nếu UBND huyện Y không ban hành quyết định hành chính mới nào, không có thông báo nào về việc chấm dứt hành vi hành chính bị khởi kiện gửi Tòa án sau khi đối thoại thì Thẩm phán phải tiến hành mở phiên tòa xét xử vụ án theo quy định tại khoản 2 Điều 140 Luật tổ tụng hành chính.

Trong quá trình giải quyết vụ án này, ông Bùi Tiến V là người đại diện của UBND huyện Y trong vụ án hành chính do Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ thụ lý số 01/2017/TB-TLVA ngày 04/01/2017 trình bày: Quan điểm của UBND huyện Y từ khi nhận đơn đề ngày 02/7/2016 của ông R, UBND huyện Y đã trả lời đơn tại Văn bản số 762/UBND-TNMT ngày 12/9/2016. Đến khi đối thoại lần 1 vào ngày 12/4/2017 tại Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ đều thể hiện việc bồi thường 160 m² là đúng quy định. Đến ngày 24/5/2017, ông V ký biên bản đối thoại lần 2 là do tin tưởng vào cơ quan tham mưu, không nghiên cứu kỹ hồ sơ, văn bản quy định của pháp luật nên mới ký biên bản thỏa thuận.

Như vậy, sau khi có Biên bản đối thoại ngày 24/5/2017, người bị kiện không ban hành quyết định hành chính mới hay có thông báo về việc chấm dứt hành vi hành chính bị khởi kiện, Tòa án cũng không ra quyết định công nhận kết quả đối thoại thành. Người bị kiện sau đó đã thay đổi ý kiến tại Biên bản đối thoại ngày 24/5/2017. Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ lại căn cứ vào Biên bản đối thoại này để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Tất R về việc buộc Ủy ban nhân dân huyện Y phải thực hiện việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là không có căn cứ pháp luật. Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ và kháng cáo của UBND huyện Y là có cơ sở chấp nhận.

Ngoài ra, việc tuyên án của Tòa án cấp sơ thẩm là không đúng quy định

tại điểm b, c khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính. Nếu Tòa án chấp nhận đơn khởi kiện thì phải tuyên: “buộc cơ quan nhà nước hoặc người có thẩm quyền trong cơ quan nhà nước thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật”. Tuy nhiên, trong Bản án sơ thẩm tuyên: “...buộc Ủy ban nhân dân huyện Y phải thực hiện việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo nội dung Biên bản đối thoại ngày 24/5/2017 và Biên bản làm việc ngày 02/6/2017...” là không đúng.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ và kháng cáo của UBND huyện Y, sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

[3] Về án phí:

- Về án phí sơ thẩm: Ông Lê Tất R là người cao tuổi, có yêu cầu được miễn án phí nên được miễn án phí hành chính sơ thẩm. Yêu cầu khởi kiện của ông Lê Tất R không được chấp nhận nên UBND huyện Y không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm. Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa quyết định của bản án sơ thẩm về phần án phí.

- Về án phí phúc thẩm: UBND huyện Y không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ và kháng cáo của Ủy ban nhân dân huyện Y, tỉnh Phú Thọ, sửa Bản án hành chính sơ thẩm số 19/2023/HC-ST ngày 19/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Tất R về việc buộc Ủy ban nhân dân huyện Y phải thực hiện việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo nội dung Biên bản đối thoại ngày 24/5/2017 và Biên bản làm việc ngày 02/6/2017 có nội dung “Ủy ban nhân dân huyện Y đền bù cho ông Lê Tất R thửa đất có vị trí kích thước như sau: Chiều rộng giáp đường huyện lộ: 03 m; Chiều rộng giáp nương là 6,8 m; Chiều sâu 23,7 m; Một bên giáp đất của UBND huyện Y. Một bên giáp đường đi khu dân cư. Thửa đất có diện tích 116,1 m²”.

2. Về án phí:

- Về án phí sơ thẩm: UBND huyện Y, tỉnh Phú Thọ không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm. Ông Lê Tất R là người cao tuổi nên được miễn án phí hành chính sơ thẩm.

- Về án phí phúc thẩm: UBND huyện Y, tỉnh Phú Thọ không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm, được hoàn trả số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm tại Biên lai số 0000625 ngày 09/10/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

*** Nơi nhận:**

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- Cục THADS tỉnh Phú Thọ;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Đình Khánh